

**PHÒNG GD&ĐT QUẬN LONG BIÊN**

**TRƯỜNG THCS THANH AM**

**NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN NGỮ VĂN 8 (Từ ngày 30/3 – 4/4/2020)**

**Bài tập 1: Gạch 1 gạch các trợ từ; 2 gạch dưới thán từ được sử dụng trong các câu sau:**

a. Cảnh vật chung quanh tôi đều có sự thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: hôm nay tôi đi học.

(Thanh Tịnh)

b. Mấy cậu đi trước ôm sách vở nhiều lại kèm cả bút thước nữa.

(Thanh Tịnh)

c. Đột nhiên lão bảo tôi:

- Này! Thăng cháu nhà tôi, đến một năm nay, chẳng có giấy má gì ông giáo ạ!

(Nam Cao)

d. Chỉ nghe tiếng hót líu lo mà không thấy bóng chim đâu.

(Nguyễn Thái Vận)

e. Người nhà lí trưởng hình như không dám hành hạ một người ốm nặng, sợ hoặc xảy ra sự gì, hẳn cứ lóng ngóng ngơ ngác, muốn nói mà không dám nói.

(Ngô Tất Tố)

f. Tôi quên cả mẹ tôi đứng sau tôi. Nghe gọi đến tên, tôi tự nhiên giật mình và lung túng.

(Thanh Tịnh)

g. Có lẽ tôi bán con chó đấy, ông giáo ạ!

(Nam Cao)

h. Tôi chỉ ốm có một trận đấy thôi. Một trận đúng hai tháng mười tám ngày, ông giáo ạ!

(Nam Cao)

**Bài tập 2: Các từ in đậm sau có phải trợ từ hay không? Xác định từ loại cho những từ không phải trợ từ?**

a. Tất cả các ngọn nến bay lên, bay lên mãi rồi biến thành **những** ngôi sao trên trời.

(An-đéc-xen)

b. Chị Dậu nghiêng hai hàm răng:

- Mày trời **ngay** chồng bà đi, bà cho mày xem!

(Ngô Tất Tố)

c. Ôm dậy, tôi về quê, hành lí chỉ vền vẹn có một cái va li đựng toàn **những** sách. Ôi **những** quyển sách rất nâng niu!

(Nam Cao)

**Bài tập 3: Gạch chân các thán từ trong những câu dưới đây:**

a. Vâng! Ông giáo dạy phải!

(Nam Cao)

b. Vâng, cháu cũng đã nghĩ như cụ.

(Ngô Tất Tố)

c. Này, bảo bác ấy có trốn đi đâu thì trốn.

(Ngô Tất Tố)

d. À! Thì ra lão đang nghĩ đến thằng con lão.

(Nam Cao)

e. Ấy! Sự đời lại cứ thường như vậy.

(Nam Cao)

**Bài tập 4: Xác định và nêu ý nghĩa của mỗi tình thái từ được dùng trong các câu sau:**



## PHIẾU ÔN TẬP TIẾNG ANH LỚP 8

(Từ ngày 30/3/2020 đến 5/4/2020)

### I. GRAMMAR: PRESENT TENSES

#### 1. Thì hiện tại đơn (The present simple)

##### a. Cấu trúc (Form):

(+) I, You, We, They + Verb (bare-infinitive) He, She, It + Verb + s/es
(-) I, You, We, They + don't + Verb (bare-infinitive) He, She, It + doesn't + Verb (bare-infinitive)
(?) Do + I, you, we, they + Verb (bare-infinitive) Does + he, she, it + Verb (bare-infinitive)?

(Nếu chủ ngữ ở ngôi thứ 3 số ít, ta phải thêm “s” hoặc “es” vào sau động từ)

##### b. Cách dùng (Usage):

- Thì hiện tại đơn diễn tả một chân lý, sự thật hiển nhiên:

+ The sun rises in the East.

+ They live in England.

- Thì hiện tại đơn diễn tả một thói quen, một hành động xảy ra thường xuyên ở hiện tại.

+ Mary often goes to school by bicycle.

+ What do you do every night?

- Thì hiện tại đơn còn được dùng để diễn tả hành động, sự việc tương lai sẽ xảy ra theo thời gian biểu hoặc chương trình, kế hoạch đã định theo thời gian biểu.

+ The train leaves at seven twenty-three tomorrow morning.

+ I've got the four details here. We spend three days in Rome.

\* **Lưu ý:** ta thêm “es” sau các động từ tận cùng là : o, s, x, sh, ch

##### c. Các phó từ thường được dùng với thì hiện tại đơn:

+ often, usually, frequently: thường

+ always, constantly: luôn luôn

+ sometimes, occasionally: thỉnh thoảng

+ seldom, rarely: ít khi, hiếm khi

+ every day/week/month: hàng ngày/tuần/tháng

#### 2. Thì hiện tại tiếp diễn (The present continuous)

##### a. Cấu trúc (Form):

(+) I, You, We, They + am/are + Verb-ing He, She, It + is + Verb-ing
(-) I, You, We, They + am not/aren't + Verb-ing He, She, It + is + Verb-ing
(?) Am/Are + I, you, we, they + Verb-ing ? Is + he, she, it + Verb-ing?

##### b. Cách dùng (Usage):

- Thì HTTD tả một hành động hay một sự việc đang diễn ra ngay lúc nói. Cách dùng này thường đi kèm với các trạng từ hoặc trạng ngữ chỉ thời gian: *now, right now, at the moment, at present.*

+ The children are playing football now.

+ What are you doing at the moment?

- Thì HTTD diễn tả một hành động hoặc sự việc nói chung đang diễn nhưng không nhất thiết ngay tại thời điểm nói. Cách dùng này thường đi kèm với: *today, these days, this week/term/year*.
  - + I'm quite busy these days. I'm doing a course at college.
  - + The company I work for isn't doing so well this year.
- Thì HTTD còn được dùng để diễn tả một hành động sắp xảy ra ở tương lai gần. Cách dùng này thường diễn tả một sự sắp xếp hoặc một kế hoạch đã định.
  - + He is coming next week.
  - + My parents are planting trees tomorrow.

**\*Lưu ý:** Không dùng thì hiện tại tiếp diễn với các động từ chỉ nhận thức, tri giác như: *to be, see, hear, understand, know, like, want, glance, feel, think, smell, love, hate, realize, seem, remember, forget...* Với các động từ này, ta dùng thì Hiện tại đơn.

- + I am tired now.
- + She wants to go for a walk at the moment.

### 3. Thì hiện tại hoàn thành (The present perfect)

#### a. Cấu trúc (Form):

(+) I, You, We, They + have + PII  
 He, She, It + has + PII  
 (-) I, You, We, They + haven't + PII  
 He, She, It + hasn't + PII  
 (?) Have + I, you, we, they + PII?  
 Has + he, she, it + PII?

#### b. Cách dùng (Usage):

- Thì HTHT diễn tả hành động hoặc sự việc vừa mới xảy ra.
  - + I have just seen my sister in the park.
  - + She has finished her homework recently.
- Thì HTHT diễn tả một hành động lặp đi lặp lại nhiều lần ở quá khứ và còn có thể được lặp lại ở hiện tại hoặc tương lai.
  - + Daisy has read that novel several times.
  - + I have seen "Titanic" three times.
- Thì HTHT diễn tả một hành động bắt đầu ở quá khứ, kéo dài đến hiện tại và có khả năng tiếp tục ở tương lai.
  - + Mary has lived in this house for ten years.
  - + They have studied English since 1990.
- Thì HTHT diễn tả hành động hoặc sự việc xảy ra trong quá khứ khi người nói không biết rõ hoặc không muốn đề cập đến thời gian chính xác.
  - + I have gone to Hanoi.
  - + He has done his housework.
- Thì HTHT diễn tả hành động xảy ra trong quá khứ nhưng kết quả vẫn còn ở hiện tại.
  - + He has broken his leg, so he can't play tennis.
  - + You have broken this watch. (It isn't working now)

#### c. Các phó từ thường đi kèm với thì hiện tại hoàn thành:

- + Just, recently, lately: gần đây, vừa mới
- + never: chưa bao giờ
- + yet: chưa
- + for: trong (khoảng thời gian)

- + ever: đã từng
- + already: đã rồi
- + since: kể từ khi (thời điểm)
- + so far = until now = up to now = up to present: cho đến bây giờ

#### 4. Thì hiện tại hoàn thành tiếp diễn (The present perfect continuous)

##### a. Cấu trúc (Form):

(+) I, You, We, They + have + been + Verb-ing  
 He, She, It + has + been + Verb-ing  
 (-) I, You, We, They + haven't + been + Verb-ing  
 He, She, It + hasn't + been + Verb-ing  
 (?) Have + I, you, we, they + been + Verb-ing?  
 Has + he, she, it + been + Verb-ing?

##### b. Cách dùng (Usage):

- Thì HTHTTD diễn tả một hành động hoặc sự việc bắt đầu trong quá khứ và kéo dài liên tục đến hiện tại. Cách dùng này thường đi kèm với: *since* + mốc thời gian hoặc *for* + khoảng thời gian.

+ They have been studying French for five years.

+ They have been living in this city since 1995.

- Thì HTHTTD diễn tả một hành động vừa mới kết thúc và có kết quả ở hiện tại.

+ You are out of breath. Have you been running?

**\*Lưu ý:** không dùng thì này với các động từ chỉ nhận thức, tri giác (xem các động từ đã nêu trong thì hiện tại tiếp diễn). Với các động từ này ta dùng thì hiện tại hoàn thành.

## II. EXERCISE

### Exercise 1. Find the word which has different sound in the part underlined.

1. A. sound                      B. cloud                      C. found                      D. favourite
2. A. ool                              B. oon                              C. oor                              D. school
3. A. crafts                              B. comics                              C. streets                              D. stamps
4. A. mention                              B. question                              C. action                              D. education
5. A. community                              B. computer                              C. museum                              D. custom
6. A. minority                              B. ethnic                              C. tradition                              D. religion
7. A. education                              B. question                              C. pollution                              D. collection
8. A. populated                              B. loaded                              C. harvested                              D. lived
9. A. fields                              B. flowers                              C. lemons                              D. parks
10. A. looked                              B. cooked                              C. naked                              D. booked

### Exercise 2. Find the word which has different stress pattern from the others.

1. A. harmful                              B. slowly                              C. cloudy                              D. unique
2. A. cooperation                              B. activity                              C. mechanic                              D. provide
3. A. performance                              B. procession                              C. damage                              D. musician
4. A. invention                              B. musician                              C. education                              D. arrangement
5. A. linguistic                              B. classical                              C. romantic                              D. aquatic

**Exercise 3. Supply the correct verb form: the Simple present tense or the Present continuous tense.**

1. Be quiet! The baby (sleep).....
2. We seldom (eat)..... before 6:30.
3. Look! A man (run)..... after the train. He (want)..... to catch it.
4. The sun (set)..... in the West.
5. It (be)..... often hot in summer.
6. I (do)..... an exercise on the present tenses at this moment and I (think)..... that I (know)..... how to use it now.
7. My mother sometimes (buy)..... vegetables at this market.
8. It (be)..... very cold now.
9. It (rain)..... much in summer. It (rain)..... now.
10. Daisy (cook)..... some food in the kitchen at present. She always (cook)..... in the morning.

**Exercise 4. Supply the correct verb form: the Present perfect or the Present perfect continuous.**

1. How long you (study)..... English? For 5 years.
2. I (wait)..... for two hours, but she (not come)..... yet,
3. They (live)..... in Ho Chi Minh City since 1975.
4. She (read)..... all the books written by Dickens. How many books .....you (read).....?
5. He (not, be)..... here since Christmas, I wonder where he (live)..... since then.
6. Jack (go)..... to Paris for a holiday. He never (be)..... there.
7. ....you (sleep)..... so far? I (ring)..... the bell for the last twenty minutes.
8. He (write)..... a novel for two years, but he (not finish)..... it yet.
9. Mary (lose)..... her hat and she (look)..... for it until now.
10. I (see)..... that film several times because I like it.

**Exercise 5. Supply the correct verb form: Present tenses**

1. Listen! I think someone (knock)..... at the door.
2. Up to the present, we (write)..... almost every lesson in the book.
3. The earth (circle)..... the sun once every 365 days.
4. The farmers (work)..... in the field at the moment.
5. How many times .....you (see).....him since he went to Edinburgh?
6. Rivers usually (flow).....to the sea.
7. Look! The boy (cry).....
8. Do you know that man, who (smoke)..... there?
9. Mrs Green always (go).....to work by bus.
10. We (be).....from France. We (be).....there for 20 years.
11. That house (belong).....to Mr. Green.
12. Mai (lose).....her dictionary.
13. I (be).....sorry. I (forget).....that girl's name already.
14. I (wait).....for the manager for two hours.
15. ....you (ever, see).....a lion?

**Exercise 6. Read the passage and choose the best answer**

Galileo Galilei was born in 1564 in the city of Pisa, Italy. About twenty years later he attended the University of Pisa. At first he wanted to become a doctor, but while he was there he became interested in science and decided to become a scientist. In 1592, a year after his father's death, the University of Padua invited him to be a professor of mathematics. He stayed there for 19 years, where he became interested in the stars. He made an instrument which made far-away things look larger and easier to examine. This was called the telescope. When he was studying the stars, he discovered that the "stars" which moved were not really stars, but world like the earth. He proved that Copernicus was right; the earth and the planets indeed moved around the sun.

1. Galileo Galilei attended the University of Pisa in .....  
 A. 1564                      B. 1584                      C. 1592                      D. 1593
2. Galileo's father died .....  
 A. in 1591                      B. in 1592                      C. in 1593                      D. when he was studying the stars
3. He made the telescope because he wanted....  
 A. to become a good professor of mathematics                      C. to discover some new planets  
 B. to prove that Copernicus was right                                      D. to study the stars
4. The telescope helped him.....  
 A. to examine far-away things easily                                      C. to see the earth  
 B. to look everything around him clearly                                      D. to discover the new planets
5. Which of the following statements is not true?  
 A. Galilei was interested in the stars  
 B. Galilei made an instrument to study the stars  
 C. Galilei proved that the earth and the planets moved around the sun  
 D. Galilei discovered that the stars which moved were not really stars.

**Exercise 7. Choose A, B, C or D for each of the following blanks**

Most British people go abroad on holiday, to visit their families or on short business trips. People are (1) ..... to find out how to get urgent treatment before leaving the country. They have to (2)..... a form which explains what they (3).....do if they fall ill or (4)..... an accident, and what arrangements exist in (5) ..... country for medical treatment.

The regulations are fairly simple but (6).....people do not have this information, they may (7).....that private medical care is extremely expensive. It is not unusual for people to discover that they do not have (8).....money with them to (9) .....the total costs and (10) .....such circumstances an already difficult situation becomes even more complicated.

1. A. said                      B. advised                      C. spoken                      D. suggested
2. A. put                      B. bring                      C. fill                      D. get
3. A. ought                      B. will                      C. should                      D. may
4. A. have                      B. get                      C. happen                      D. take
5. A. their                      B. each                      C. one                      D. this
6. A. because                      B. whether                      C. as                      D. if
7. A. look                      B. want                      C. find                      D. know
8. A. enough                      B. little                      C. few                      D. full
9. A. pay                      B. give                      C. spend                      D. have
10. A. on                      B. in                      C. at                      D. up

**Exercise 8. Choose the correct sentence which has the same meaning as the given one**

1. Mary didn't wear the raincoat, so she got a cold.
  - A. If Mary wore the raincoat, she wouldn't get a cold.
  - B. If Mary had worn the raincoat, she didn't get a cold.
  - C. If Mary had worn the raincoat, she wouldn't have got a cold.
  - D. If Mary has worn the raincoat, she won't have got a cold.
2. I've never eaten this food before.
  - A. It's the first time I've eaten this food.
  - B. It's the most tasty food I've ever eaten.
  - C. I've never eaten such a good food before.
  - D. The food is so good that I've never eaten before
3. We couldn't go out because the weather was so bad.
  - A. It was so bad a weather that we couldn't go out.
  - B. It was such a bad weather that we couldn't go out.
  - C. It was so bad weather that we couldn't go out.
  - D. It was such bad weather that we couldn't go out.
4. The cake was too hot for him to eat.
  - A. The cake was so hot that for him to eat.
  - B. It was such so hot cake that he couldn't eat.
  - C. The cake was so hot that he couldn't eat.
  - D. The cake was so hot that he can't eat it.
5. In spite of the heavy rain, the children went to school.
  - A. Although it rained heavily, the children went to school.
  - B. The children went to school though it rained heavily.
  - C. It rained heavily, but the children went to school.
  - D. All are correct.

**Exercise 9: Finish each of the following sentences in such a way that it means exactly the same as the sentence printed.**

1. The king kong is the biggest animal in the world.  
→ No \_\_\_\_\_.
2. I last took a photo five years ago.  
→ I have \_\_\_\_\_.
3. We enjoy learning English.  
→ We are \_\_\_\_\_.
4. He gave his younger brother only a star fruit tree.  
→ Only a \_\_\_\_\_.
5. It was surprising to see my ex-girlfriend in the party.  
→ I \_\_\_\_\_ to see my ex-girlfriend in the party.
6. We use the correction pen to cover writing mistakes.  
→ The correction pen \_\_\_\_\_ writing mistakes.



7. The Internet has changed people's lives in different ways.

→ People's lives \_\_\_\_\_ in different ways by the Internet.

8. I have never eaten Indian food before.

→ It's the first time I \_\_\_\_\_.

**Exercise 10: Identify the underlined part that needs correction in each of the following sentences.**

1. I haven't seen Hoa again since we have graduated from high school.

A                      B                      C                      D

2. You looked so sick yesterday. Have you not visited the doctor yet?

A                      B                      C                      D

3. My language has the same grammar with yours.

A                      B                      C                      D

4. He will not let me to borrow his computer.

A      B                      C                      D

5. He needs to be more carefully when he is driving his car.

A                      B                      C                      D

# NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN TOÁN LỚP 8

( Từ ngày 30/3 – 4/4/2020)

## I. Lý thuyết

- **Phương trình** : phương trình bậc nhất, phương trình đưa được về dạng  $ax + b = 0$ ; phương trình tích, phương trình có ẩn ở mẫu.

- **Định lý Ta-lét** : Định lý Ta – lét thuận và đảo, hệ quả.

## II. Bài tập

### A. Trắc nghiệm

**Câu 1** : Nghiệm của phương trình  $3x - 2 = 2x - 3$  là gì?

- A. 1                      B. -1                      C.  $\frac{-1}{5}$                       D. - 5

**Câu 2** : Phương trình nào sau đây có nghiệm là một số nguyên dương ?

- A.  $5x = -3$ .              B.  $x - 5 = 0$ .              C.  $x + 5 = -x - 5$ .              D.  $2(x + 5) = 2$ .

**Câu 3** : Phương trình  $4x + 1 = 2x - 13$  có nghiệm là ?

- A. -3                      B. -7                      C. -1                      D.  $\frac{-12}{10}$

**Câu 4** : Điều kiện xác định của phương trình  $\frac{x+3}{2x} = \frac{3x-5}{4x-9}$  là?

- A.  $x \neq 0$  và  $x \neq -2,25$               B.  $x \neq 0$               C.  $x \neq 0$  và  $x \neq 2,25$               D.  $x \neq -2,25$

**Câu 5**: Phương trình  $(m+2)x - 4 = 0$  có nghiệm  $x = 1$  khi  $m = ?$

- A.1                      B. 2                      C.3                      D.0

**Câu 6**: Phương trình  $x(x+1) = 0$  có các nghiệm là:

- A.  $x = 1; x = 0$  ;              B.  $x = 1; x = -1$  ;              C.  $x = -1; x = 0$  ;              D.  $x = 1$

### B. Tự luận

**Bài 1**: Giải các phương trình sau:

a)  $5 - x - 6 = 4 - 3 - 2x$  .

b)  $3 - 4x - 25 - 2x = 8x^2 + x - 300$  .

**Bài 2**: Giải phương trình.

a)  $\frac{2(x-3)}{4} - \frac{1}{2} = \frac{6x+9}{3} - 2$

b)  $x + 6 \left( \frac{x+6}{2} - \frac{4x}{3} \right) = 0$

c)  $(x^2 + 5x)^2 - 2(x^2 + 5x) = 24$  .

d)  $3x - \frac{1}{x-2} = \frac{x-1}{2-x}$

**Bài 3**: Cho tam giác ABC, điểm I nằm trong tam giác, các tia AI, BI, CI cắt các cạnh BC, AC, AB theo thứ tự ở D, E, F. Qua A kẻ đường thẳng song song với BC cắt tia CI tại H và cắt tia BI tại K. Chứng minh:

a)  $\frac{AK}{BD} = \frac{HA}{DC}$  ;

b)  $\frac{AF}{BF} + \frac{AE}{CE} = \frac{AI}{ID}$  .

**Bài 4:** Cho tam giác ABC có đường cao AH. Trên AH, lấy các điểm K, I sao cho  $AK = KI = IH$ . Qua I, K lần lượt vẽ các đường thẳng  $EF \parallel BC$ ,  $MN \parallel BC$  ( $E, M \in AB$ ,  $F, N \in AC$ ).

a) Tính  $\frac{MN}{BC}$  và  $\frac{EF}{BC}$ .

b) Cho biết diện tích của tam giác ABC là  $90 \text{ cm}^2$ . Tính diện tích tứ giác  $MNFE$ .

**III. Một số gợi ý, lưu ý khi làm bài.**

**Bài 1:**

a)  $S = \left\{ \frac{11}{7} \right\}$ ;

b)  $S = \left\{ \frac{101}{7} \right\}$ ;

**Bài 2:**

a)  $\frac{2(x-3)}{4} - \frac{1}{2} = \frac{6x+9}{3} - 2 \Leftrightarrow \frac{6(x-3)}{12} - \frac{6}{12} = \frac{24x+36}{12} - \frac{24}{12}$

$\Leftrightarrow \frac{6(x-3)-6}{12} = \frac{24x+36-24}{12} \Leftrightarrow 6x-18-6 = 24x+12 \Leftrightarrow -18x = 36 \Leftrightarrow x = -2$

b)  $x = -6$  hoặc  $x = 18/5$

c) Đặt  $x^2 + 5x = t$  khi đó (1) trở thành  $t^2 - 2t - 24 = 0 \Leftrightarrow (t+4)(t-6) = 0 \Leftrightarrow t = -4$  hoặc  $t = 6$

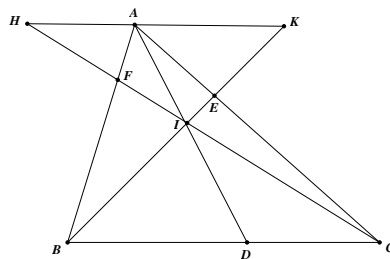
Với  $t = -4$  ta có  $x^2 + 5x = -4 \Leftrightarrow x^2 + 5x + 4 = 0 \Leftrightarrow (x+1)(x+4) = 0 \Leftrightarrow x = -1$  hoặc  $x = -4$

Với  $t = 6$  ta có  $x^2 + 5x = 6 \Leftrightarrow x^2 + 5x - 6 = 0 \Leftrightarrow (x-1)(x+6) = 0 \Leftrightarrow x = 1$  hoặc  $x = -6$

Vậy phương trình đã cho có 4 nghiệm là  $x = 1; x = -1; x = -4; x = -6$ .

d) Điều kiện:  $x - 2 \neq 0 \Leftrightarrow x \neq 2$ . Giải ra nghiệm  $\begin{cases} x = 2 & (l) \\ x = \frac{-1}{3} & (t/m) \end{cases}$ . Vậy  $S = \left\{ \frac{-1}{3} \right\}$

**Bài 3:**



a)  $AK \parallel BD \Rightarrow \frac{AI}{ID} = \frac{AK}{BD}$

Từ  $AH \parallel DC \Rightarrow \frac{AI}{ID} = \frac{AH}{DC}$

Do đó  $\frac{AK}{BD} = \frac{AH}{DC}$

b) Ta có:  $\frac{AK}{BD} = \frac{AH}{DC} = \frac{AK + AH}{BD + DC} = \frac{HK}{BC} = \frac{AI}{ID}$

Ta chứng minh

$$\frac{AF}{BF} = \frac{AH}{BC} \quad (2); \quad \frac{AE}{CE} = \frac{AK}{BC} \quad (3)$$

Từ (1), (2), (3) ta có  $\frac{AE}{CE} + \frac{AF}{BF} = \frac{AI}{ID}$  (đpcm)

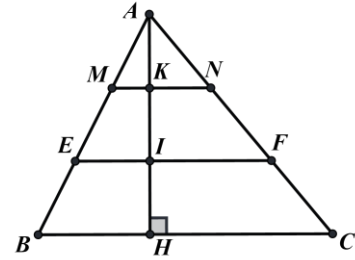
**Bài 4: a)**

$$+) \quad NK // CH \Rightarrow \frac{AK}{AH} = \frac{AN}{AC} \Rightarrow \frac{AN}{AC} = \frac{1}{3}$$

$$MN // BC \Rightarrow \frac{MN}{BC} = \frac{AN}{AC} \Rightarrow \frac{MN}{BC} = \frac{1}{3}$$

$$+) \quad IF // CH \Rightarrow \frac{AI}{AH} = \frac{AF}{AC} \Rightarrow \frac{AF}{AC} = \frac{2}{3}$$

$$EF // BC \Rightarrow \frac{EF}{BC} = \frac{AF}{AC} \Rightarrow \frac{EF}{BC} = \frac{2}{3}$$



b)  $MNFE$  có  $MN // FE$  và  $KI \perp MN$ . Do đó  $MNEF$  là hình thang có 2 đáy  $MN, FE$ , chiều cao  $KI$ .

$$\Rightarrow S_{MNEF} = \frac{(MN + FE) \cdot KI}{2} = \frac{\left(\frac{1}{3}BC + \frac{2}{3}BC\right) \cdot \frac{1}{3}AH}{2} = \frac{1}{3} \cdot S_{ABC} = 30(\text{cm}^2)$$

# NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN VẬT LÝ 8

( Từ ngày 30/3 – 4/4/2020)

## I. LÝ THUYẾT

Ôn tập chương I

## II. BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

**HS khoanh tròn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất vào phiếu bài tập và nộp lại cho GV vào tuần đầu tiên khi đi học trở lại.**

**Câu 1:** Một quả cầu bằng sắt treo vào 1 lực kế ở ngoài không khí lực kế chỉ 1,7N. Nhúng chìm quả cầu vào nước thì lực kế chỉ 1,2N. Lực đẩy Acsimét có độ lớn là:

- A. 1,7N;                      B. 1,2N;                      C. 2,9N;                      D. 0,5N.

**Câu 2:** Một quả cầu bằng đồng được treo vào lực kế thì lực kế chỉ 4,45N. Nhúng chìm quả cầu vào rượu thì lực kế chỉ bao nhiêu? Biết  $d_{\text{rượu}} = 8000\text{N/m}^3$ ,  $d_{\text{đồng}} = 89000\text{N/m}^3$

- A. 4,45N;                      B. 4,25N;                      C. 4,15N;                      D. 4,05N.

**Câu 3:** Một vật móc vào 1 lực kế; ngoài không khí lực kế chỉ 2,13N. Khi nhúng chìm vật vào trong nước lực kế chỉ 1,83N. Biết trọng lượng riêng của nước là  $10000\text{N/m}^3$ . Thể tích của vật là:

- A.  $213\text{cm}^3$ ;                      B.  $183\text{cm}^3$ ;                      C.  $30\text{cm}^3$ ;                      D.  $396\text{cm}^3$ .

**câu 4:** Ba quả cầu có cùng thể tích, quả cầu 1 làm bằng nhôm, quả cầu 2 làm bằng đồng, quả cầu 3 làm bằng sắt. Nhúng chìm cả 3 quả cầu vào trong nước. So sánh lực đẩy Acsimét tác dụng lên mỗi quả cầu ta thấy.

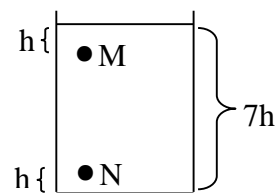
- A.  $F_{1A} > F_{2A} > F_{3A}$ ;                      B.  $F_{1A} = F_{2A} = F_{3A}$ ;  
C.  $F_{3A} > F_{2A} > F_{1A}$ ;                      D.  $F_{2A} > F_{3A} > F_{1A}$ .

**Câu 5:** Một vật đặc treo vào 1 lực kế, ở ngoài không khí chỉ 3,56N. Nhúng chìm vật đó vào nước thì số chỉ của lực kế giảm 0,4N. Hỏi vật đó được làm bằng chất gì?

- A. Đồng;                      B. Sắt;                      C. Chì;                      D. Nhôm.

**Câu 6:** Có 1 bình thủy tinh ( Hình 1), đựng nước đến độ cao  $7h$ . Điểm M ở độ sâu  $h$ , điểm N nằm cách đáy bình 1 khoảng  $h$ . Tỷ số áp suất của nước tại điểm M ( $p_M$ ) và tại N ( $p_N$ ) tức là  $p_M : p_N$  bằng:

- A. 1:1;                      B. 1: 7;                      C. 1: 6                      D. 6: 7.



Hình 1

**Câu 7:** Thả một quả cầu đặc bằng đồng vào 1 chậu đựng thủy ngân. Nhận xét nào sau đây là đúng?

A. Quả cầu chìm vì  $d_{\text{đồng}} > d_{\text{thủy ngân}}$ ;

B. Quả cầu nổi vì  $d_{\text{đồng}} < d_{\text{thủy ngân}}$ ;

C. Quả cầu nổi vì  $d_{\text{đồng}} > d_{\text{thủy ngân}}$ ;

D. Quả cầu chìm vì  $d_{\text{đồng}} < d_{\text{thủy ngân}}$ .

**Câu 8:** Một vật bằng gỗ có thể tích  $5\text{dm}^3$ . Thả vào trong nước thấy vật bằng gỗ nổi trên mặt nước. Biết trọng lượng riêng của gỗ là  $6000\text{N/m}^3$ , của nước  $10000\text{N/m}^3$ . Lực đẩy Acsimét tác dụng lên vật bằng gỗ là:

A.  $50000\text{N}$ ;

B.  $30000\text{N}$ ;

C.  $50\text{N}$ ;

D.  $30\text{N}$ .

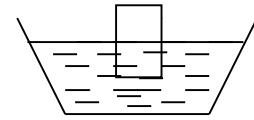
**Câu 9 :** Thả 1 khối gỗ khô có thể tích  $3\text{dm}^3$  vào trong nước như hình 2. Thể tích phần gỗ chìm trong nước là bao nhiêu? Biết khối lượng riêng của gỗ  $600\text{kg/m}^3$ , trọng lượng riêng của nước  $10000\text{N/m}^3$

A.  $1,8\text{dm}^3$ ;

B.  $50\text{dm}^3$ ;

C.  $0,18\text{dm}^3$ ;

D.  $5\text{dm}^3$ .



Hình 2

**Câu 10:** Một quả cầu rỗng bằng đồng được treo vào 1 lực kế, ngoài không khí lực kế chỉ  $3,56\text{N}$ . Nhúng chìm quả cầu vào trong nước số chỉ của lực kế giảm  $0,5\text{N}$ . Biết  $d_{\text{nước}} = 10000\text{N/m}^3$ ,  $d_{\text{đồng}} = 89000\text{N/m}^3$ . Thể tích phần rỗng của quả cầu là:

A.  $40\text{cm}^3$ ;

B.  $50\text{cm}^3$ ;

C.  $34\text{cm}^3$ ;

D.  $10\text{cm}^3$ .

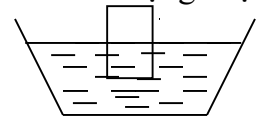
**Câu 11:** Thả một miếng gỗ vào trong 1 chậu chất lỏng ( Hình 3) thì thấy phần thể tích gỗ ngập trong chất lỏng bằng  $1/2$  thể tích miếng gỗ. Biết trọng lượng riêng của gỗ  $6000\text{N/m}^3$ . Trọng lượng riêng của chất lỏng là:

A.  $12000\text{N/m}^3$ ;

B.  $6000\text{N/m}^3$ ;

B.  $3000\text{N/m}^3$ ;

D.  $1200\text{N/m}^3$ .



Hình 3

**Câu 12:** Một lực  $F$  tác dụng vào vật làm vật dịch chuyển quãng đường  $S$  theo phương của lực thì công của lực  $F$  được tính bằng công thức:

A.  $A = \frac{F}{S}$ ;

B.  $A = F.S$ ;

C.  $A = \frac{S}{F}$ ;

D.  $A = F.v$ .

**Câu 13:** Đơn vị của công là:

A.  $\text{N}, \text{J}$ ;

B.  $\text{J}, \text{N/m}$ ;

C.  $\text{J/s}, \text{N.m}$ ;

D.  $\text{J}, \text{N.m}$ .

**Câu 14:** Một quả dừa nặng  $2,5\text{kg}$  rơi từ trên cây cách mặt đất  $800\text{cm}$ . Công của trọng lực là bao nhiêu?

A.  $200\text{J}$ ;

B.  $2000\text{J}$ ;

C.  $20\text{J}$ ;

D.  $320\text{J}$ .

**Câu 15:** Đầu tàu hoả kéo toa xe với một lực 4000N làm toa xe đi được 2km. Công lực kéo của đầu tàu là:

- A. 8000J;                      B. 2000J;                      C. 8000KJ;                      D. 2000KJ.

**Câu 16:** Một hòn bi có khối lượng 50g chuyển động đều với vận tốc 10,8km/h trên một mặt phẳng nhẵn nằm ngang( coi như không có ma sát và sức cản của không khí). Công của viên bi là bao nhiêu?

- A. 540J;                      B. 150J;                      C. 0,54J;                      D. 0J.

**Câu 17:** Công thức tính công suất là:


- A.  $P = 10m$ ;                      B.  $P = \frac{A}{t}$ ;                      C.  $P = \frac{F}{v}$ ;                      D.  $P = d.h$ .

**Câu 18:** Một máy cày hoạt động trong 30 phút máy đã thực hiện được một công là 1440J. Công suất của máy cày là:

- A. 48W;                      B. 43200W;                      C. 800W;                      D. 48000W.

**Câu 19:** Một con ngựa kéo một cái xe chuyển động đều với vận tốc 9km/h. Lực kéo của ngựa là 270N. Công suất của ngựa là:

- A. 810W;                      B. 2430W;                      C. 30W;                      D. 8748W.

**Câu 20:** Có ba mặt phẳng nghiêng nhẵn như nhau ( Hình 4). 

So sánh công để đưa một vật m lên độ cao h bằng

ba mặt phẳng nghiêng ta thấy:

- A.  $A_1 > A_2 > A_3$ ;                      C.  $A_1 = A_2 = A_3$ ;  
B.  $A_1 < A_2 < A_3$ ;                      D. Không so sánh được.

# BÀI TẬP MÔN HÓA HỌC 8 (30/3 – 5/4)

(Các con làm bài vào vở hóa buổi chiều)

## Dạng 1. Viết phương trình thể hiện tính chất hóa học của oxi:

**Bài 1:** Viết PTHH phản ứng cháy của các chất sau trong oxi:  $H_2$ ; Mg; Cu; S; Al; C và P.

**Bài 2:** Khi đốt khí metan ( $CH_4$ ); khí axetilen ( $C_2H_2$ ), rượu etylic ( $C_2H_6O$ ) đều cho sản phẩm là khí cacbonic và hơi nước. Hãy viết PTHH phản ứng cháy của các phản ứng trên.

## Dạng 2. Tính theo phương trình hóa học dạng cơ bản:

**Bài 3:** Tính lượng oxi cần dùng để đốt cháy hết:

a) 46,5 gam Photpho (Đáp án: 60 g)

b) 67,5 gam nhôm (Đáp án: 60 g)

c) 33,6 lít hiđro (Đáp án: 24 g)

## Dạng 3. Tính theo phương trình hóa học dạng toán dư thừa:

**Bài 4:** Đốt 6 gam cacbon trong bình đựng 19,2 gam khí oxi tạo thành khí cacbonic. Viết PTHH và tính khối lượng khí cacbonic sinh ra.

(Đáp án: 22 g)

## Dạng 4. Giải thích hiện tượng thực tế:

**Bài 5:** Hãy giải thích vì sao:

a) Than cháy trong oxi tạo ra nhiệt độ cao hơn khi than cháy trong không khí?

b) Dây sắt nóng đỏ cháy sáng trong oxi, nhưng không cháy được trong không khí?

## Bài tập nâng cao

(Bắt buộc đối với HSG)

**Bài 6:** Tính khối lượng oxi cần dùng để đốt cháy hoàn toàn 1 tấn than chứa 95% cacbon. Các tạp chất còn lại không cháy.

(Đáp án: 2,53 tấn)